

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**TỈNH KON TUM**  
Bản án số: 40/2022/HS-ST  
Ngày: 06 – 12 – 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc L2 - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KONTUM**

***Th4 phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Y Wok BDap và bà Dương Thúy Hồng.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Huy Việt – Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2022/TLST- HS, ngày 24 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo: **Huỳnh Văn C** (Tên gọi khác: Không). Sinh ngày 15 tháng 6 năm 1980; tại tỉnh B Định; trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N H; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Huỳnh N, sinh năm: 1942; Con bà: Ngô Thị T. Sinh năm: 1941 (đã chết); Vợ: Đinh Thị Ng M. Sinh năm: 1989 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2020. Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã đình chỉ sinh hoạt Đảng); Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/5/2020 (Có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Văn H – Luật sư Văn phòng Luật sư Hồng Tâm Đức thuộc Đoàn Luật sư Th4 phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- Bị hại và đồng thời là người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Anh Th, sinh năm 1981. Trú tại: số 166 đường LL, Th4 phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt;

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

01. Bà Lê Thị My L và Ông Nguyễn Đức Ch. Cùng trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

02. Ông Vũ Ng. Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

03. Ông Bùi Xuân V, sinh năm 1962. Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

04. Ông Phạm Văn C và bà Trần Thị K. Cùng trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

05. Ông H1 Ng B và bà Võ Thị Bích Ng. Trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

06. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1982 và bà Bùi Thị L. Trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

07. Ông Đặng Đức T1 và bà Trần Thị N1. Cùng trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

08. Ông Hoàng Trung P và Bà Dương Thị H. Cùng trú tại: Thôn 1, xã Đăk Kan, huyện N H, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

09. Ông Huỳnh Văn Th và Bà Nguyễn Thị Tr. Cùng trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

10. Ông Trần Quang L2, sinh năm 1992. Trú tại: số 1063 đường Phan Đình Phùng, phường Quyết Thắng, Th4 phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

11. Ông Phạm Văn Th3; Ông Nguyễn Đức Th4; Bà Phạm Thị Phụng. Trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

12. Ông Trần Văn D và Bà Lê Thị O. Cùng trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

13. Ông Trần Văn Th4 và Bà Trần Thị Tr. Cùng trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

14. Ông Hồ Đắc Th5. Trú tại: Số 56 đường Xuân Quỳnh, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ H1nh Sơn, Th4 phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

15. Ông Vương Văn T4. Địa chỉ: Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

16. Bà Vũ Thị H. Địa chỉ: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện N H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

17. Bà Nguyễn Thị Th5 Ch. Địa chỉ: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện N H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

18. Ngân H1ng Nông nghiệp và pH triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung Kon Tum. Địa chỉ: 71C Phan Đình Phùng, phường Quang Trung, Th4 phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt

19. Bà Y H, địa chỉ: Thôn Măng Tôn, xã Pờ Y, huyện N H, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt

20. Anh Ngô Quang C1, địa chỉ: Thôn 4, xã Tân C, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

21. Chị Nguyễn Thị Thu H1, địa chỉ: Thôn Đắc Giác, xã Đắc Môn, huyện Đắc Gle, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt

22. Chị Đinh Thị Ng M, địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

23. Ông Thao I, địa chỉ: Thôn Giang Lố 1, xã Sa Loong, huyện N H, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

24. Bà Y Th6, địa chỉ: Thôn 5, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

25. Anh Nguyễn Y KH, địa chỉ: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Văn C là C1 bộ công tác tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N H từ năm 2006. Tháng 01/2017, C được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký QSDĐ huyện N H (*thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N H*). Từ tháng 02/2017 đến tháng 8/2019, C giữ chức vụ Giám đốc - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N H. Nhiệm vụ được giao phụ trách trong hai giai đoạn trên là đo đạc bản đồ, trích đo hồ sơ địa chính thửa đất; thống kê, kiểm kê đất đai; chỉnh lý biến động đất đai; L2 hồ sơ thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSDĐ tại địa bàn các xã: Sa Loong, Đắc Kan, Đắc Xú và thị trấn Plei Kần, huyện N H.

Từ năm 2009 đến năm 2019, Huỳnh Văn C nhiều lần tiếp nhận, quản lý phôi Giấy CNQSD đất do Phòng Tài nguyên và môi trường huyện N H giao để thực hiện việc cấp Giấy CNQSD đất cho người dân. Trong quá trình công tác, Huỳnh Văn C đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn; lợi dụng việc được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, sử dụng phôi Giấy CNQSD đất đã không thực hiện việc đăng ký đất đai, hồ sơ địa chính theo đúng trình tự, thủ tục quy định về việc cấp Giấy CNQSD đất mà tự ý cập nhập thông tin của người thân quen, thông tin về thửa đất vào phôi Giấy CNQSD đất rồi tự ý ký giả chữ ký của ông Vương Văn T4 - Phó Chủ tịch UBND huyện N H; giả chữ ký của ông Nguyễn Y KH (*Phó Giám đốc - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N H*), sau đó mang Giấy CNQSD đất đã có chữ ký giả của ông T4 đến bộ phận văn thư thuộc Văn phòng HĐND và UBND huyện N H đóng dấu rồi giao cho người dân.

Ngoài ra Huỳnh Văn C còn có 02 lần đưa ra thông tin gian dối về việc có người bán tài sản là đất để người mua tin tưởng đưa tiền cho C sau đó C làm thủ tục sang nhượng và chiếm đoạt tiền của người mua với số tiền 120.000.000đ ( *Một trăm hai mươi triệu đồng*).

Trong thời gian từ năm 2009 đến năm 2019, Huỳnh Văn C đã làm giả 16 Giấy CNQSD đất (*01 Giấy BC 685879 không thu hồi được*) đối với Giấy AO

097144 ( A Sêu – Y H, C tự xác nhận chuyển nhượng 02 lần và 01 lần giả chữ ký KH) và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

**I. Đối với H1nh vi: “Giả mạo trong công tác”:**

**1- Đối với Giấy CNQSD đất số AO 097144, do UBND huyện N H cấp ngày 12/5/2009 mang tên ông A Sêu và bà Y H:**

Ngày 12/7/2010, sau khi có được Giấy CNQSDĐ số AO 097144, C tự mình đánh máy nội dung chuyển nhượng QSDĐ từ A Sêu - Y H sang Ngô Quang C1 và bà Nguyễn Thị Thu H1 rồi tự ký tên, đóng dấu vào Tr thứ 4 Giấy CNQSDĐ số AO 097144 để xác nhận nội dung chuyển nhượng với chức danh Phó Giám đốc - Văn phòng đăng ký đất đai huyện N H. Sau đó, C mang Giấy CNQSDĐ này về cất giữ tại nh1 riêng. Đồng thời, Giấy CNQSDĐ số AO 097144 **“Sổ vào Sổ cấp Giấy CNQSDĐ”** được C lấy ngẫu nhiên mà không thực hiện vào Sổ cấp Giấy CNQSDĐ theo quy định. H1nh vi của C đã làm sai lệch nội dung của Giấy CNQSDĐ số AO 097144 do UBND huyện N H cấp ngày 12/5/2009 theo dự án cấp tập trung năm 2007.

Đến năm 2014, C nhờ vợ chồng C1 - H1 thế chấp QSDĐ này để vay ngân H1ng Vietcombank số tiền 800.000.000đ. Sau khi vay được C1 đưa toàn bộ tiền cho C. Vào ngày 11/5/2017 (*Sau khi được C1 thông tin việc vợ chồng C1 sắp ly hôn, nên đề nghị C nhờ người khác đứng tên khoản vay để không ảnh hưởng đến khoản vay mà vợ chồng C1 - H1 đang vay giúp cho C*) C đã mượn tiền người thân để tất toán khoản vay này.

Tiếp đó ngày 11/5/2017, C tiếp tục tự ý xác nhận nội dung chuyển nhượng từ vợ chồng C1 - H1 cho Đinh Thị Ng Mai trên Tr thứ 4 của **Giấy CNQSD đất số AO 097144** (*tự đánh máy nội dung chuyển nhượng, ký tên Huỳnh Văn C, đóng dấu Giám đốc Chi nhánh VPĐK Đất đai huyện N H*) mà không có sự việc chuyển nhượng cũng như không L2 hồ sơ chuyển nhượng để nhờ Mai hoàn tất thủ tục vay số tiền 1.700.000.000đ (*trong đó, 700.000.000đ là số tiền tương ứng với tài sản thế chấp là QSDĐ số AO 097144; Năm 2016, Mai đứng tên giúp cho C thửa đất tại TDP 2 - TT. Plei Kân - N H theo Giấy CNQSDĐ số BI 427469 do UBND huyện N H cấp ngày 26/06/2012 và sử dụng Giấy CNQSDĐ này để vay tại Chi nhánh ngân H1ng Vietcombank huyện N H với số tiền 1.000.000.000đ. Năm 2017, khi Mai sử dụng Giấy CNQSDĐ đứng tên A Sêu làm tài sản thế chấp tại Vietcombank N H số tiền 700.000.000đ thì ngân H1ng đã làm thủ tục gộp hai hợp đồng tín dụng vào làm một với số tiền vay là 1.700.000.000đ*).

Ngoài ra, ngày **04/4/2019** C còn thực hiện H1nh vi giả mạo chữ ký của Nguyễn Y KH (*Phó Giám đốc - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N H*) tại Tr bổ sung Giấy CNQSDĐ số AO 097144 (*cụ thể: C đã tự mình đánh máy nội dung thế chấp lần 02 Giấy CNQSDĐ số AO 097144 tại Ngân H1ng Vietcombank - Phòng giao dịch huyện N H sau đó C thực hiện H1nh vi đồ giả chữ ký của ông Nguyễn Y KH, đóng dấu vào Tr thứ 5 (Tr bổ sung) để xác nhận nội dung thế chấp cho Đinh Thị Ng Mai*).

Làm việc với Cơ quan điều tra, bà Y H khai: Bản thân và chồng A Sêu (SN 1966; hiện tại đã chết) không quen biết Huỳnh Văn C và không chuyển nhượng, ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 90.150 m<sup>2</sup> (thửa đất thể hiện trong Giấy CNQSDĐ số AO 097144) cho Ngô Quang C1 (SN 1979; trú tại thôn 4 xã Tân C, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum) và bà Nguyễn Thị Thu H1 (SN 1983; trú tại thôn Đắk Giắc, xã Đắk Môn, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum).

**2- Đối với Giấy CNQSDĐ số AD 985328, do UBND huyện N H cấp ngày 21/9/2006 cho ông Thao In:**

Sau khi được Nguyễn Thị Anh Th nhờ tìm mua đất rẫy, C đã đưa ra thông tin thửa đất có diện tích như giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Thao In. Đến ngày 30/12/2015 C đã tìm được Giấy CNQSDĐ số AD 985328 đứng tên Thao In. Mặc dù không có sự việc chuyển nhượng nhưng C vẫn tự ý xác nhận nội dung chuyển nhượng từ Thao In sang Nguyễn Thị Anh Th vào Tr thứ tư của Giấy CNQSDĐ số AD 985328 rồi giao cho Th (Sử dụng thủ đoạn tự viết nội dung chuyển nhượng thửa đất cho Nguyễn Thị Anh Th, ký tên Huỳnh Văn C rồi đóng dấu của Chi nhánh VPDĐ huyện N H) để chiếm đoạt số tiền 70.000.000đ.

Làm việc với Cơ quan điều tra, ông Thao In khai: Bản thân không quen biết Huỳnh Văn C và không chuyển nhượng, ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất (thể hiện trong Giấy CNQSDĐ số AD 985328) cho Nguyễn Thị Anh Th.

**3- Đối với Giấy CNQSDĐ số X 505761 do UBND huyện N H cấp cho hộ bà Y Thảo ngày 05/01/2004:**

Khi PH hiện việc cấp Giấy CNQSDĐ số X 505761 cho bà Y Thảo là sai đối tượng, phòng Tài nguyên môi trường huyện N H đã không giao Giấy CNQSDĐ số X 505761 cho bà Y Thảo mà lưu trữ, cất giữ tại kho lưu trữ của Phòng tài nguyên môi trường huyện N H.

Năm 2017, C tìm thấy Giấy CNQSDĐ số X 505761 trong kho lưu trữ. Thời điểm này, đến ngày 18/3/2017 C thỏa thuận và đã chuyển nhượng thửa đất có trên cho Nguyễn Thị Anh Th với số tiền 50.000.000đ với thủ đoạn tự ý đánh máy nội dung chuyển nhượng cho Nguyễn Thị Anh Th vào Tr thứ 4 của Giấy CNQSDĐ số X 505761 rồi ký tên, đóng dấu xác nhận nội dung chuyển nhượng sau đó giao Giấy chứng nhận này cho Th.

**4 - Đối với Giấy CNQSDĐ số BC 685854, do UBND huyện N H, tỉnh Kon Tum cấp ngày 07/01/2017 cho bà Nguyễn Thị Anh Th:**

Vào tháng 11/2016 và tháng 11/2017, Huỳnh Văn C có giới Thệu cho bà Nguyễn Thị Anh Th mua đất và nhận làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất cho bà Th. Sau đó ngày 07/01/2017, Huỳnh Văn C đã làm giả chữ ký ông T4 vào 2 Giấy CNQSD đất số BC 685854 và số BC 685879 giao cho bà Th.

Làm việc với Cơ quan điều tra, bà Nguyễn Thị Anh Th khai: Vì quen biết với Huỳnh Văn C và được C giới Thệu mua đất nên đồng ý mua và có nhờ C làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất. Bà Th có đưa cho Huỳnh Văn C số tiền 7.800.000 đồng là tiền môi giới mua bán đất và làm thủ tục cấp 02 Giấy CNQSD đất trên.

Bà Th không biết 02 Giấy CNQSD đất trên là giả ( đối với giấy CNQSD đất số BC 685879 không thu hồi được) .

**5 - Đối với Giấy CNQSD đất số BC 685855, do UBND huyện N H, tỉnh Kon Tum cấp ngày 12/10/2016 đứng tên ông Nguyễn Đức Ch và bà Lê Thị My L:**

Vào năm 2015, Huỳnh Văn C có giới Thệu vợ chồng ông Ch, bà La mua lô đất của ông Hồ Đắc Th5 (trú tại số 56, đường Xuân Quỳnh, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hnh Sơn, Th4 phố Đà Nẵng) và nhận làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất cho vợ chồng ông Ch, bà La. Sau đó ngày 12/10/2015 Huỳnh Văn C đã giả chữ ký ông T4 vào Giấy CNQSD đất số BC 685855 giao cho ông Ch, bà La.

Làm việc với Cơ quan điều tra, bà Lê Thị My L khai: Vì quen biết với Huỳnh Văn C và được C giới Thệu mua đất nên đồng ý mua và có nhờ C làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất; không đưa khoản tiền gì cho C. Ông Ch, bà La không biết Giấy CNQSD đất trên là giả.

**6 - Đối với Giấy CNQSD đất số BT 212905, do UBND huyện N H, tỉnh Kon Tum cấp ngày 27/6/2016 đứng tên ông Vũ Hoàng Duy, trú tại tổ 8, phường Hội Phú, Th4 phố Plei Ku, tỉnh Gia Lai. Ngày 08/10/2018, Huỳnh Văn C ký xác nhận chuyển nhượng cho ông Bùi Xuân V, trú tại tổ dân phố 4, thị trấn Plei Kần, huyện N H:**

Vào khoảng tháng 4/2016, do quen biết ông Hồ Đắc Th5 là người bán lô đất trên cho ông Vũ Ng ( bố của Vũ Hoàng Duy) nên Huỳnh Văn C có nhận làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất. Sau đó ngày 27/6/2016 Huỳnh Văn C đã giả chữ ký ông T4 vào Giấy CNQSD đất số BT 212905 giao cho ông Ng ( đứng tên trong sổ là ông Vũ Hoàng Duy).

Làm việc với Cơ quan điều tra, ông Hồ Đắc Th5 và ông Vũ Ng khai: Việc nhờ Huỳnh Văn C làm Giấy CNQSD đất là do quen biết với C; không đưa khoản tiền gì cho C. Ông Th5, ông Ng không biết Giấy CNQSD đất trên là giả.

**7- Đối với Giấy CNQSDĐ số BT 212406, do UBND huyện N H, tỉnh Kon Tum cấp ngày 09/9/2016 đứng tên ông Trần Quang Việt, bà Trần Thị Hải, trú tại Kiều Đại 2, Đông Vệ, Th5 Hóa. Ngày 10/7/2019, Nguyễn Y KH ký xác nhận chuyển nhượng cho ông Phạm Văn C, bà Trần Thị K, trú tại tổ dân phố 1, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum:**

Vào khoảng tháng 7/2016, do quen biết ông Phạm Văn C nên Huỳnh Văn C nhận làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất. Sau đó ngày 10/7/2019, Huỳnh Văn C đã giả chữ ký của ông KH vào Giấy CNQSD đất số BT 212406 giao cho ông C.

Làm việc với Cơ quan điều tra, ông Phạm Văn C khai: Việc nhờ Huỳnh Văn C làm Giấy CNQSD đất là do quen biết ông C nên nhờ làm giúp; không đưa khoản tiền gì cho C. Ông C không biết Giấy CNQSD đất trên là giả.

**8 - Đối với 02 Giấy CNQSDĐ số BT 212421, do UBND huyện N H, tỉnh Kon Tum cấp ngày 12/10/2016 đứng tên ông H1 Ng B, bà Võ Thị Bích Ng, trú tại tổ dân phố 5, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum và**

**Giấy CNQSDĐ số BT 212422, do UBND huyện N H, tỉnh Kon Tum cấp ngày 12/10/2016 đứng tên ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị L, trú tại thôn 6, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum:**

Vào khoảng tháng 8/2016, do quen biết ông H1 Ng B nên Huỳnh Văn C nhận 2.000.000 đồng từ ông B để làm thủ tục cấp 2 Giấy CNQSD đất. Sau đó, cùng ngày 12/10/2016 Huỳnh Văn C đã giả chữ ký ông T4 vào Giấy CNQSD đất số BT 212421 giao cho ông B và giả chữ ký ông T4 vào giấy CNQSD đất số BT 212422 giao cho ông T.

Làm việc với Cơ quan điều tra, ông H1 Ng B và ông Bùi Văn T khai: Việc nhờ Huỳnh Văn C làm Giấy CNQSD đất là do quen biết ông C nên nhờ làm giúp và có đưa cho C 2.000.000 đồng tiền làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất. Ông H1 Ng B và ông Bùi Văn T không biết 2 Giấy CNQSD đất trên là giả.

**9 - Đối với 02 Giấy CNQSDĐ số BT 212430, do UBND huyện N H, tỉnh Kon Tum cấp ngày 12/10/2016; BT 212432, cấp ngày 02/9/2016:**

Vào năm 2016, Huỳnh Văn C có mua của ông Hồ Đắc Th5 02 lô đất và nhờ người khác đứng tên. Ngày 02/9/2016 C đã giả chữ ký ông T4 vào giấy CNQSD đất số BT 212432 mang tên Bùi Quang Vũ và đến ngày 25/7/2017 C tự xác nhận chuyển nhượng cho Đặng Đức Tài và Trần Thị Niêm. Ngày 12/10/2016 C giả chữ ký ông T4 vào Giấy CNQSD đất số BT 212430 mang tên Hoàng Trung P và Dương Thị Hào và đến ngày 30/10/2017 C tự xác nhận chuyển nhượng cho Huỳnh Văn Thận. Đối với Giấy CNQSD đất số BT 212430, Huỳnh Văn C sử dụng vay tại Phòng giao dịch Ngân H1ng Công thương N H với số tiền là 900.000.000 đồng. Đối với Giấy CNQSD đất số BT 212432, Huỳnh Văn C sử dụng vay tại Phòng giao dịch Ngân H1ng Ngoại thương N H với số tiền là 800.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, Huỳnh Văn C đã Th5 toán toàn bộ số tiền đã vay với Ngân H1ng và nộp lại 02 Giấy CNQSD đất trên.

Làm việc với Cơ quan điều tra, ông Huỳnh Văn Thận khai: Do Huỳnh Văn C là em trai có nhờ đứng tên trên hồ sơ chuyển nhượng nên nhận đứng tên giúp C; không biết Giấy CNQSD đất trên là giả. Ông Bùi Quang Vũ khai: Có quen biết với Huỳnh Văn C nhưng không biết gì về việc bản thân có đứng tên trên Giấy CNQSD đất số BT 212432. Ông Đặng Đức Đài khai: Do quen biết với Huỳnh Văn C nên C có nhờ đứng tên trên hồ sơ chuyển nhượng; không biết Giấy CNQSD đất trên là giả.

**10 -Đối với Giấy CNQSDĐ số BT 212492, do UBND huyện N H, tỉnh Kon Tum cấp ngày 09/01/2017 đứng tên ông Nguyễn Đức Th4, bà Phạm Thị Phượng, trú tại tổ dân phố 6, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum:**

Vào khoảng cuối năm 2016, do quen biết ông Phạm Văn Th3 là bố của bà Phượng nên Huỳnh Văn C nhận hồ sơ tặng, cho để làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất. Sau đó, ngày 09/01/2017 Huỳnh Văn C đã giả chữ ký ông T4 vào Giấy CNQSD đất số BT 212492 giao cho ông Th3.

Làm việc với Cơ quan điều tra, ông Phạm Văn Th3 khai: Việc nhờ Huỳnh Văn C làm Giấy CNQSD đất là do quen biết với ông C nên nhờ làm giúp; không đưa khoản tiền gì cho C. Ông Th3 không biết Giấy CNQSD đất trên là giả.

**11 - Đối với 02 Giấy CNQSDĐ số CH 079343 do UBND huyện N H, tỉnh Kon Tum cấp ngày 19/5/2017 và số CH 079344, cấp ngày 19/5/2017 đứng tên ông Trần Văn D, bà Lê Thị O, trú tại tổ dân phố 5, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum và Giấy CNQSDĐ số CH 079345, do UBND huyện N H, tỉnh Kon Tum cấp ngày 19/5/2017 đứng tên ông Trần Văn Th4, bà Trần Thị Tr, trú tại tổ dân phố 5, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum:**

Về việc làm giả 03 Giấy CNQSDĐ số CH 079343, CH 079344 và CH 079345 như đã nêu trên, kết quả điều tra thể hiện: Vào khoảng tháng 4/2017, do quen biết ông Trần Văn D nên C nhận hồ sơ chuyển nhượng và nhận 150.000.000đ tiền nộp thuế của 03 lô đất từ gia đình ông D để làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ, sau đó C nhập và in thông tin ông Trần Văn D, bà Lê Thị O, thông tin về thửa đất vào 02 phôi Giấy CNQSDĐ số CH 079343 và CH 079344; thông tin ông Trần Văn Th4, bà Trần Thị Tr, thông tin về thửa đất vào phôi Giấy CNQSDĐ số CH 079345, sau đó ngày 19/5/2017 C giả chữ ký ông Vương Văn T4 vào Giấy CNQSDĐ đến bộ phận văn thư đóng dấu và giao cho ông Trần Văn D, bà Lê Thị O, ông Trần Văn Th4, bà Trần Thị Tr.

Về số tiền 150.000.000đ, C đã sử dụng vào việc cá nhân, sau đó đã Th3 thuận với các bên liên quan thống nhất C trả lại 150.000.000đ cho vợ chồng ông D, bà O và vợ chồng ông Th4, bà Tr.

Làm việc với Cơ quan điều tra, vợ chồng ông D, bà O và vợ chồng ông Th4, bà Tr khai việc nhờ Huỳnh Văn C làm Giấy CNQSDĐ là do quen biết ông C nên nhờ làm giúp và có đưa cho C 150.000.000đ để làm thủ tục thuế; vợ chồng ông D, bà O và vợ chồng ông Th4, bà Tr không biết Giấy CNQSDĐ C giao cho có chữ ký giả của ông T4.

Về số tiền C có được từ việc làm các Giấy CNQSDĐ nêu trên tổng cộng là 1.859.800.000đ. Đến nay, C đã Th5 toán, trả lại số tiền C vay là 1.700.000.000đ (trong đó, vay 900.000.000đ tại Phòng giao dịch Ngân Hing Công thương N H và 800.000.000đ tại Phòng giao dịch Ngân Hing Ngoại thương N H) để thu hồi 02 Giấy CNQSD đất; đã Th5 toán số tiền 150.000.000đ cho gia đình vợ chồng ông D, bà O và vợ chồng ông Th4, bà Tr; Số tiền còn lại 9.800.000đ từ việc môi giới bán đất và nhận bồi dưỡng làm thủ tục cấp các Giấy CNQSDĐ C đã sử dụng vào việc cá nhân.

## **II. Đối với H1nh vi: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”:**

**1- Đối với Giấy CNQSDĐ số AD 985328, do UBND huyện N H cấp ngày 21/9/2006 cho ông Thao In.**

Năm 2002, ông Thao In (trú tại thôn Giang Lố 1, xã Sa Loong, huyện N H, tỉnh Kon Tum) được UBND huyện N H cấp **Giấy CNQSDĐ số W723822** đối với thửa đất có diện tích 20 ha gồm thửa số 483, 486 tại tiểu khu 196 tại xã Sa Loong,



huyện N H (theo bản đồ địa chính năm 2002). Năm 2007, ông Thao In đã bán thửa đất trên và giao Giấy CNQSDĐ số W723822 cho ông Hoàng Văn Nhật (trú tại thôn 5, thị trấn Plei Kần, huyện N H; khi bán thửa đất này, ông Thao In chỉ viết giấy tay và không L2 Hợp đồng chuyển nhượng).

Cũng thửa đất trên, ngày 21/9/2006 ông Thao In được UBND huyện N H cấp Giấy CNQSDĐ số AĐ 985328 (hai thửa đất số 483, 486 thay đổi Th4 thửa đất số số 608, 625 từ bản đồ số 2) có diện tích 200.075.0 m<sup>2</sup>. Trong thời gian này, ông Thao In không biết việc bản thân được cấp Giấy CNQSDĐ số AĐ 985328 nên không liên hệ Chi nhánh VPĐKĐĐ để nhận cũng như thông báo việc đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Hoàng Văn Nhật. Do đó, Giấy CNQSDĐ số AĐ 985328 chưa được cấp pH cho Thao In mà Chi nhánh VPĐKĐĐ đất đai huyện N H tiếp tục giữ để quản lý cùng với nhiều Giấy CNQSDĐ cấp tập trung khác.

Năm 2015, thông qua mối quan hệ quen biết từ trước, Nguyễn Thị Anh Th gặp C và đặt vấn đề nhờ C tìm giúp thửa đất rẫy để Th mua trồng Mì, C đồng ý. Sau đó, C đã liên lạc với Th và đưa ra thông tin: Có ông chủ của C hiện đang ở Sài Gòn nhờ bán thửa đất rẫy khoảng 20ha tại xã Sa Loong, huyện N H. Th yêu cầu C dẫn đi xem đất để biết vị trí và hiện trạng thửa đất. Lúc này, C đã dẫn Th đến thửa đất của ông A Lợi (trú tại xã Sa Loong, huyện N H, tỉnh Kon Tum) và đưa ra thông tin đó là đất của ông chủ của C, có diện tích khoảng 20 ha, bán với giá 15.000.000đ/ha. Sau khi xem đất xong, Th đồng ý mua và cung cấp Giấy CMND, sổ hộ khẩu để C làm thủ tục chuyển nhượng, cấp Giấy CNQSDĐ cho Th.

Vì biết rõ các Giấy CNQSDĐ cấp cho người dân tại xã Sa Loong, huyện N H đang được Chi nhánh VPĐKĐĐ đất đai huyện N H cất giữ nên C đã lợi dụng thời điểm không có C1 bộ nào trong phòng làm việc đã tìm và pH hiện Giấy CNQSDĐ số AĐ 985328 đứng tên Thao In (C không quen biết cũng như không có mối quan hệ gì khác với ông Thao In) có diện tích 20ha trùng với thông tin mà C nói với Th.

Ngày 30/12/2015, C đã tự ý xác nhận nội dung chuyển nhượng từ Thao In sang Nguyễn Thị Anh Th vào Tr thứ tư của Giấy CNQSDĐ số AĐ 985328 (tự viết nội dung chuyển nhượng cho bà Th, ký tên Huỳnh Văn C rồi đóng dấu Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện N H; không L2 hợp đồng chuyển nhượng; không thực hiện nghĩa vụ tài chính; tự nghĩ ra số vào sổ và số hợp đồng chứng thực để ghi/đánh máy vào nội dung xác nhận chuyển nhượng trên Giấy CNQSDĐ) rồi giao cho Th.

Sau khi nhận được Giấy CNQSDĐ, Th tiếp tục liên hệ C để đăng ký thế chấp tại BIDV huyện N H để vay số tiền 800.000.000đ, C đã tự xác nhận nội dung đăng ký thế chấp cho Th (không lưu hồ sơ liên quan, tự đánh máy, in, ký tên Huỳnh Văn C, đóng dấu Phó giám đốc Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện N H tại Tr bổ sung của Giấy CNQSDĐ trên) rồi giao lại cho Th. Sau khi vay được tiền, Th đã trả cho C tổng cộng 70.000.000đ.

Đến cuối năm 2019, sau khi Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện N H pH hiện sai phạm của C nên đã yêu cầu C khắc phục để lấy Giấy CNQSDĐ số AĐ 985328 trả lại cho đơn vị. C đã liên hệ thì được Th cho biết đang thế chấp tại ngân hàng BIDV chi nhánh huyện N H để vay số tiền 800.000.000đ và Th không có tiền lấy ra, số tiền

gốc và lãi khoản vay khoảng 820.000.000đ. Do đó, C đề nghị mua lại lô đất này với giá 820.000.000đ thì được Th đồng ý bán. C đã vay mượn tiền của gia đình rồi cùng Th liên hệ ngân H1ng Th5 toán số tiền 820.000.000đ cho BIDV N H và ký thủ tục tất toán khoản vay. Sau đó, C nhận lại Giấy CNQSDĐ số AĐ 985328 và nộp lại cho Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện N H.

## **2- Đối với Giấy CNQSDĐ số X 505761 do UBND huyện N H cấp cho hộ bà Y Thảo:**

Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 21 có diện tích 22.548,3 m<sup>2</sup> tại thôn 5, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum do ông A Hiến (SN 1976; trú tại thôn 5, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum) sử dụng liên tục đến năm 2006 mới thực hiện chuyển nhượng một phần diện tích thửa đất (19.398 m<sup>2</sup>) cho bà Phạm Thị Bầy (SN 1974; trú tại thôn 5, thị trấn Plei Kần, huyện N H, tỉnh Kon Tum). Tuy nhiên, thửa đất trên, ngày 05/01/2004 được UBND huyện N H cấp Giấy CNQSDĐ số X 505761 cho hộ bà Y Thảo (trú tại thị trấn Plei Kần, huyện N H) theo dự án cấp tập trung năm 2002. Do đó, khi pH hiện việc cấp Giấy CNQSDĐ số X 505761 cho bà Y Thảo là sai đối tượng, phòng Tài nguyên môi trường huyện N H đã không giao Giấy CNQSDĐ số X 505761 cho bà Y Thảo mà lưu trữ, cất giữ tại kho lưu trữ của Phòng tài nguyên môi trường huyện N H.

Năm 2017, thông qua mối quan hệ quen biết, Nguyễn Thị Anh Th đã liên hệ C nhờ C tìm giúp đất để mua tại thị trấn Plei Kần, huyện N H. Trong thời gian này, C biết được Giấy CNQSDĐ số X 505761 do phòng Tài nguyên môi trường huyện N H cấp cho bà Y Thảo là sai đối tượng, thửa đất này hiện do người khác đứng tên, sở hữu chứ không phải Y Thảo và Giấy CNQSDĐ số X 505761 hiện đang được cất giữ tại phòng Tài nguyên môi trường huyện N H nên C nảy sinh ý định sử dụng Giấy CNQSDĐ số X 505761 xác nhận chuyển nhượng để chiếm đoạt tiền mua đất của Nguyễn Thị Anh Th. Theo đó, sau khi C đã tìm thấy Giấy CNQSDĐ số X 505761 trong kho lưu trữ, C đã tiến H1nh kiểm tra trên bản đồ địa chính để xác định vị trí chính xác thửa đất C đã dẫn Th đến vị trí thửa đất tại thôn 1, thị trấn Plei Kần, đưa ra thông tin thửa đất có diện tích hơn 02 ha, do người quen nhờ C bán giúp với giá 100.000.000đ. Th đã Th3 thuận sau đó đồng ý mua với giá 50.000.000đ và cung cấp thông tin cá nhân cho C để làm thủ tục chuyển nhượng. Sau đó, ngày 18/3/2017 C đã tự ý xác nhận nội dung chuyển nhượng từ Y Thảo sang Nguyễn Thị Anh Th vào Tr thứ tư của Giấy CNQSDĐ số X 505761 (tự viết nội dung chuyển nhượng cho bà Th, ký tên Huỳnh Văn C rồi đóng dấu Chi nhánh VPĐK ĐĐ huyện N H; không L2 hợp đồng chuyển nhượng; không thực hiện nghĩa vụ tài chính) rồi giao cho Th. Th đã trả cho C số tiền 50.000.000đ. Giấy CNQSDĐ số X 505761 đã được Th sử dụng làm tài sản thế chấp, vay vốn tại ngân H1ng Agribank chi nhánh Quang Trung với số tiền 150.000.000đ. (Ngày 27/5/2022 Th đã tất toán xong cho Ngân H1ng).

Về nguồn gốc đất trên các Giấy CNQSDĐ làm giả: Đối với 02 Giấy CNQSDĐ số BT 212430 và BT 212432 thực tế thửa đất là của C nhận chuyển nhượng từ ông Hồ Đắc Th5 nhưng nhờ người khác đứng tên. Đối với 14 Giấy CNQSDĐ đất số BC 685855, BC 685854, BC 685879, BT 212406, BT 212422,

BT 212492, BT 212905, BT 212421, CH 079343, CH 079344 ; CH 079345; A0 097144; AĐ 985328 và X505761 thực tế các hộ, cá nhân đứng tên trên Giấy CNQSDĐ là người sử dụng đất từ việc nhận chuyển nhượng hoặc được tặng, cho đất và có nhờ C làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ theo các nội dung nêu trên. Huỳnh Văn C đã giả chữ ký của ông Vương Văn T4 và ông Nguyễn Y KH và C tự ý xác nhận để làm giả 16 Giấy CNQSDĐ này.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N H, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện N H xác định: Hiện nay, tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N H không có hồ sơ địa chính gốc của 16 Giấy CNQSDĐ đất này.

Khi Huỳnh Văn C đưa các giấy CNQSDĐ đất đã làm giả này đến bộ phận văn thư đóng dấu thì trên các Giấy CNQSDĐ nêu trên đã có chữ ký giả của ông Vương Văn T4; Nguyễn Y KH và chữ ký của C. Bản thân bà H, bà Ch không biết việc làm giả trong các Giấy CNQSDĐ đất.

Tại Kết luận giám định số: 45/KLGD-PC09 ngày 10/3/2020, Kết luận: Chữ ký Vương Văn T4 trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu A1;A2;A3;A4) với chữ ký của ông Vương Văn T4 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu ( M1; M2; M3; M4; M5; M6; M7; M8; M9; M10) không phải do cùng một người ký ra.

Tại Kết luận giám định số: 56/KLGD-PC09 ngày 24/3/2020, Kết luận: Chữ ký Vương Văn T4 trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu A1;A2;A3;A4; A5) với chữ ký của ông Vương Văn T4 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu ( M1; M2; M3; M4; M5; M6; M7; M8; M9; M10) không phải do cùng một người ký ra.

Tại Kết luận giám định số: 132/KLGD-PC09 ngày 06/7/2020, Kết luận: Chữ ký mang tên Vương Văn T4 trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu A1;A2) với chữ ký của ông Vương Văn T4 trên các tài liệu mẫu so sánh ( ký hiệu M1; M2; M3; M4; M5; M6; M7; M8; M9; M10) không phải do cùng một người ký ra.

Tại Kết luận giám định số: 150/KLGD-PC09 ngày 31/7/2020, Kết luận: Chữ ký mang tên Vương Văn T4 trên tài liệu cần giám định Ký hiệu A1 với chữ ký của ông Vương Văn T4 trên các tài liệu mẫu so sánh ( ký hiệu M1; M2; M3; M4; M5; M6; M7; M8; M9; M10) không phải do cùng một người ký ra.

Tại Kết luận giám định số: 150/KLGD-PC09 ngày 12/8/2021, Kết luận:

Chữ ký Huỳnh Văn C trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A2) với chữ ký của Huỳnh Văn C trên các tài liệu mẫu so sánh ( ký hiệu M1.1; M1.2; M1.3; M1.4; M1.5; M1.6; M1.7) do cùng một người ký ra.

Chữ ký Nguyễn Y KH trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) với chữ ký của Nguyễn Y KH trên các tài liệu mẫu so sánh ( ký hiệu M2.1; M2.2; M2.3; M2.4; M2.5; M2.6; M2.7; M2.8; M2.9) do cùng một người ký ra.

Chữ ký Nguyễn Y KH trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) với chữ ký của Nguyễn Y KH trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2.1; M2.2; M2.3; M2.4; M2.5; M2.6; M2.7; M2.8; M2.9) không phải do cùng một người ký ra.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực H1nh quyền công tố giữ nguyên Cáo trạng số 16/CT-VKS-P1 ngày 21/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố đối với bị cáo Huỳnh Văn C, về tội “*Giả mạo trong công tác*” theo điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 359; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Huỳnh Văn C từ 12 năm 6 tháng đến 13 năm tù về tội “*Giả mạo trong công tác*”; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là từ 14 năm đến 15 năm 6 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: không ai có yêu cầu gì nên không đề cập. Đề nghị tuyên tiêu hủy 15 GCNQSDĐ giả và 02 hợp đồng giả. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Luật sư Nguyễn Văn Hồng bào chữa cho bị cáo thống nhất với Cáo trạng và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “*Giả mạo trong công tác*” theo điểm a khoản 4 Điều 359 của Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015. Tuy nhiên, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS và không áp dụng tình tiết điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với tội Giả mạo trong công tác cũng như xem xét áp dụng điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 03/2020 của TANDTC để giảm nhẹ cho bị cáo và đề áp dụng b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo mức án nhẹ hơn mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo đồng ý và không có ý kiến với luận cứ bào chữa của Luật sư và không có ý kiến bổ sung khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ân hận về H1nh vi của mình, biết H1nh vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về hòa nhập xã hội.

Bị hại, chị Nguyễn Thị Anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cũng như không có yêu cầu thường gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về H1nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về H1nh vi, quyết định của cơ quan tiến H1nh tố tụng, người tiến H1nh tố tụng. Do đó, các H1nh vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến H1nh tố tụng, người tiến H1nh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Huỳnh Văn C là C1 bộ công tác tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N H từ năm 2006. Tháng 01/2017 đến tháng 8/2019 bị cáo được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh - Văn phòng đăng ký QSDĐ huyện N H. Nhiệm vụ của bị cáo được giao phụ trách trong hai giai đoạn trên là đo đạc bản đồ, trích đo hồ sơ địa chính thửa đất; thống kê, kiểm kê đất đai; chỉnh lý biên động đất đai; L2 hồ sơ thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSDĐ tại địa bàn các xã: Sa Loong, Đắc Kan, Đắc Xú và thị trấn Plei Kần, huyện N H. Bị cáo Huỳnh Văn C nhiều lần tiếp nhận, quản lý phôi Giấy CNQSD đất do Phòng Tài nguyên và môi trường huyện N H giao để thực hiện việc cấp Giấy CNQSD đất cho người dân. Trong quá trình công tác, Huỳnh Văn C đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn; lợi dụng việc được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, sử dụng phôi Giấy CNQSD đất đã không thực hiện việc đăng ký đất đai, hồ sơ địa chính theo đúng trình tự, thủ tục quy định về việc cấp Giấy CNQSD đất mà tự ý cập nhập thông tin của người thân quen, thông tin về thửa đất vào phôi Giấy CNQSD đất rồi tự ý ký giả chữ ký của ông Vương Văn T4 - Phó Chủ tịch UBND huyện N H; giả chữ ký của ông Nguyễn Y KH (*Phó Giám đốc - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N H*), tự ý xác nhận nội dung chuyển nhượng khi không có việc chuyển nhượng, sau đó mang Giấy CNQSD đất giả mạo đến bộ phận văn thư thuộc Văn phòng HĐND và UBND huyện N H đóng dấu rồi giao cho người dân.

Tổng cộng bị cáo đã có H1nh vi giả mạo 16 Giấy CNQSD đất gồm số: BC 685854, BC 685855, BC 685879; BT 212905; BT 212406, BT 212421, BT 212422, BT 212430, BT 212432, BT 212492, CH 079343, CH 079344, CH 079345 và AO 097144, AĐ 985328, X 505761. H1nh vi của bị cáo đã phạm tội “*Giả mạo trong công tác*” với tình tiết định khung hình phạt là “*Làm, cấp giấy tờ giả với số lượng 11 giấy tờ giả trở lên*” theo điểm a khoản 4 điều 359 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bên cạnh đó, bị cáo Huỳnh Văn C còn có H1nh vi: Vào các năm 2015, 2017 mặc dù những người được cấp các GCNQSDĐ số AĐ 985328, X 505761 không chuyển nhượng QSDĐ, nhưng C đã đưa ra thông tin gian dối là những người này có nhờ C chuyển nhượng đất, làm chi Th tin tưởng và giao dịch nhận chuyển nhượng đất với C để C chiếm đoạt của chi Th số tiền 120.000.000 đồng. H1nh vi của Huỳnh Văn C đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm e khoản 2 điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên đối chiếu với khung hình phạt của tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại Điều 174 BLHS 2015 thì hình phạt theo quy định tại Điều 174 có khung hình phạt nhẹ hơn, nên áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, HĐXX áp dụng Điều 174 BLHS 2015 để xét xử đối với bị cáo.

Do đó, Cáo trạng của VKSND tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Huỳnh Văn C về tội “*Giả mạo trong công tác*” theo điểm a khoản 4 Điều 359 và tội “*Lừa đảo*”

*chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

**[3]** Xét Hình vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; làm mất uy tín của cơ quan, tổ chức. Hình vi của bị cáo còn là biểu hiện của sự suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống của người C1 bộ, đảng viên, công chức NH1 nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa P, gây dư luận bất B trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được Hình vi của mình nhưng vẫn thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Do đó, cần phải xử lý bị cáo nghiêm để giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời góp phần tích cực trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm này trong tình hình hiện nay.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc là cần Thét, buộc phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo Th4 công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, xét thấy cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để áp dụng cho bị cáo được hưởng.

**[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo:**

+ Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Th4 khẩn khai báo, ăn năn hối cải về Hình vi phạm tội của mình; tự nguyện khắc phục hậu quả đối với tội “Giả mạo trong công tác”, cụ thể: tất toán các ngân H1ng; trả 150 triệu đồng cho vợ chồng ông D bà O và ông Th4 bà Tr; ông B, ngoài ra bị cáo có nhiều Th4 tích trong công tác được tặng nhiều giấy khen nên được áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: bị cáo chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

+ Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 cho cả hai tội “Giả mạo trong công tác” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

+ Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

**[5] Về hình phạt bổ sung:** Cần cấm bị cáo Huỳnh Văn C đảm nhiệm chức vụ liên quan đến Hình vi phạm tội trong thời hạn nhất định kể từ ngày bị cáo chấp H1nh xong hình phạt tù. Bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

**[6] Về trách nhiệm dân sự:** Không có ai yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[7] Về vật chứng:** Gồm 15 Giấy CNQSD đất đã cấp có số sê-ri BC 685855, BC 685854, BT 212430, BT 212432, BT 212406, BT 212422, BT 212492, BT 212905, BT 212421, CH 079343, CH 079344, CH 079345, AĐ 985328, AO 097144, X 505761 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 24/CT-HĐ ngày 23/01/2019 giữa Lâm Ng Quang và Huỳnh Cường; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 26/CT-HĐ ngày 23/01/2018 giữa ông Võ Đông và

Huỳnh Cường. Đây là vật chứng của vụ án đã được đánh số bút lục kèm theo hồ sơ vụ án nên tiếp tục cho lưu trữ cùng hồ sơ vụ án. Riêng Giấy CNQSD đất số BC 685854 do bị cáo đã tiêu hủy. Do vậy, Hội đồng xét xử xét không đề cập.

**[8]** Ngoài ra trong vụ án này còn có: Quá trình điều tra còn pH hiện một số sai phạm khác liên quan đến Huỳnh Văn C nhưng không thuộc chức năng, thẩm quyền giải quyết của Cơ quan C sát điều tra - Công an tỉnh Kon Tum, do đó Cơ quan CSĐT đã chuyển các nội dung này đến các đơn vị khác để xử lý theo thẩm quyền.

Đối với giao dịch dân sự Ông Quang - bà Thư nhờ C bán đất với giá 2.000.000.000đ, khi không bán được thì nhờ C tiếp tục giữ lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi Th3 thuận lại đồng ý bán giá 1.600.000.000đ và có Th3 thuận tiếp việc lùi thời gian giao tiền và đã nhận đủ tiền. Ông Quang - bà Thư không Thệt hại gì nên không có sự việc C thực hiện H1nh vì lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của Lê Ng Quang - Thái Thị Quỳnh Thư . Từ đó, H1nh vi của Nguyễn Xuân Phụng và Nguyễn Bá Hậu không Thếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

Đối với giao dịch với ngân H1ng (Vietinbank và Vietcombank chi nhánh N H số tiền 2.700.000.000đ) là có thật nhưng ngay sau khi thế chấp C vẫn nộp tiền lãi H1ng tháng và sau khi hết thời hạn thế chấp C đều tất toán cho các Ngân H1ng. Các Ngân H1ng xác định không bị Thệt hại gì nên không có Thệt hại xảy ra và không yêu cầu gì. Mặt khác, các giao dịch trên được tất toán trước thời điểm thụ lý nguồn tin tội phạm. Do vậy, H1nh vi của C không cần Thệt phải xử lý về trách nhiệm hình sự.

**[9] Về án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

T4 bố: Bị cáo Huỳnh Văn C (Tên gọi khác: Không) phạm tội “*Giả mạo trong công tác*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

#### **Về hình phạt:**

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 359; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Huỳnh Văn C **13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “*Giả mạo trong công tác*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

**Xử phạt:** Bị cáo Huỳnh Văn C **03 (ba) năm tù** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Điều 55 BLHS năm 2015, Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội là **16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp H1nh hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 08/5/2020).**

**Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng Điều 41, khoản 5 Điều 359 Bộ luật hình sự: Cấm bị cáo Huỳnh Văn C đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời hạn 05 (Năm) năm kể từ ngày bị cáo chấp H1nh xong hình phạt tù. Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

**Về vật chứng:** Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục lưu trữ cùng hồ sơ vụ án gồm 15 Giấy CNQSD đất đã cấp có số sê-ri BC 685855;BC 685854; BT 212430;BT 212432;BT 212406;BT 212422;BT 212492;BT 212905;BT 212421;CH 079343;CH 079344;CH 079345;AD 985328;AO 097144;X 505761 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 24/CT-HĐ ngày 23/01/2019 giữa Lâm Ng Quang và Huỳnh Cường; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 26/CT-HĐ ngày 23/01/2018 giữa ông Võ Đông và Huỳnh Cường.

**Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Huỳnh Văn C phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

**Về quyền kháng cáo:** Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T4 án (06/12/2022), bị cáo có quyền kháng cáo Bản án để xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

**Dương Thúy Hồng**

**Y Wok BDap**

**Nguyễn Thị Như Mai**



***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Công an tỉnh KT;
- Trại tạm giam CA tỉnh KT;
- Bị cáo;
- Những người TGTT LQ khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Như Mai**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

